

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam hồi phục nhẹ phiên hôm nay sau đánh giá của Oxford Economics trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu cho thấy triển vọng phục hồi kinh tế của Việt Nam là sáng sủa nhất khu vực Đông Nam Á.

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến phục hồi của TTCK thế giới.

[Tâm điểm cổ phiếu trong ngày]

GVR

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục chờ nhịp điều chỉnh sâu hơn, chỉ mở một phần vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ gần quanh 875

08/09/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	890.14	+0.21
VN30	827.57	+0.39
HĐTL VN30F1M	829.50	+0.95
HNXIndex	124.80	-0.50
HNX30	231.90	+0.21
UPCoM	58.82	+0.31
USD/VND	23,178	+0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.90	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+6
Dầu (WTI, \$)	38.81	-2.41
Vàng (LME, \$)	1,931.13	-0.13



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 890.14 (+0.21%)
KLGD (triệu CP) 267.5 (-28.2%)
GTGD (triệu US\$) 240.2 (-26.6%)

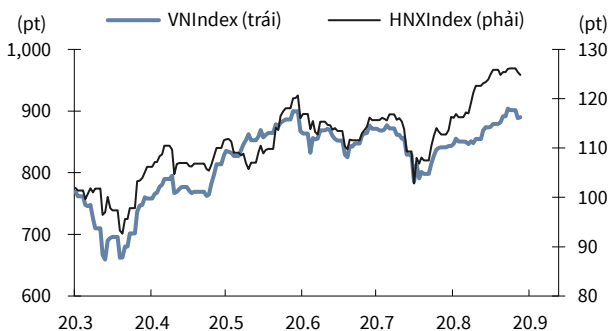
HNXIndex 124.80 (-0.50%)
KLGD (triệu CP) 50.5 (-4.4%)
GTGD (triệu US\$) 26.2 (-5.1%)

UPCoM 58.82 (+0.31%)
KLGD (triệu CP) 15.3 (-34.8%)
GTGD (triệu US\$) 8.8 (-25.2%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -18.3

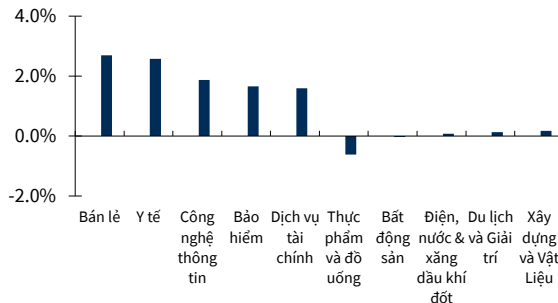
TTCK Việt Nam hồi phục nhẹ phiên hôm nay sau đánh giá của Oxford Economics trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu cho thấy triển vọng phục hồi kinh tế của Việt Nam là sáng sủa nhất khu vực Đông Nam Á. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tăng giá trước thông tin trên ở CTG (+2.2%), VPB (+2%). Các thông tin tích cực về nhu cầu đầu tư tại Việt Nam của các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp Nhật Bản trong buổi tọa đàm tối hôm qua với Thủ tướng Chính phủ giúp cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp tăng giá ở KBC (+1.5%), LHG (+0.7%). Báo cáo từ Bộ Công Thương cho thấy các tác động tích cực của Hiệp định EVFTA đối với doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu vào thị trường EU giúp cổ phiếu ngành có liên quan tăng giá như cổ phiếu dệt may ở TCM (+1.3%), STK (+3%), và cổ phiếu thủy sản ở VHC (+0.7%), ANV (+5%). Nhóm cổ phiếu chứng khoán như SSI (+2.9%), VCI (+3.4%) tăng giá trước diễn biến tăng mạnh của thanh khoản thị trường nhiều phiên gần đây. Nhà đầu tư nước ngoài có phiên bán ròng ở VCB (-1.3%), VHM (-0.8%), VNM (-1.4%).

VNIndex & HNXIndex



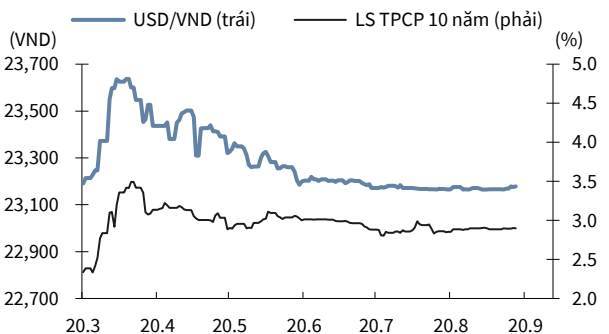
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



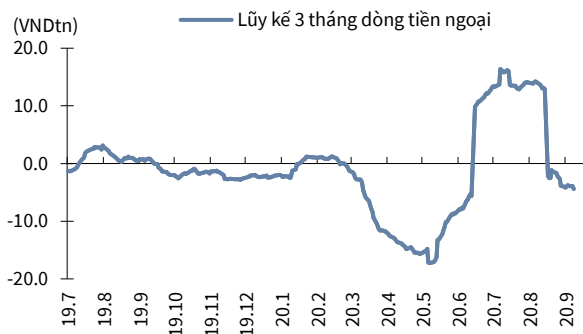
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



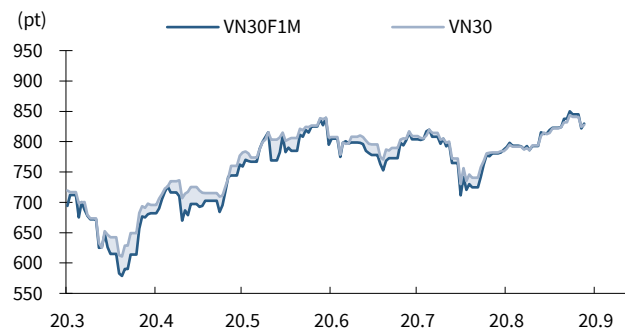
Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	827.57 (+0.39%)
VN30F1M	829.5 (+0.95%)
Mở cửa	824.8
Cao nhất	830.9
Thấp nhất	817.7
KLGD (HĐ)	217,004 (+31.0%)

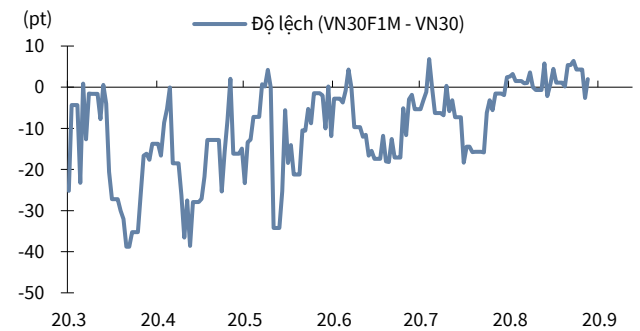
HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến phục hồi của TTCK thế giới. Chênh lệch HĐTL mở cửa tiêu cực ở mức -0.36 trước khi giao động quanh -3.7 và 3.1 trong phiên sáng. Chênh lệch nhìn chung biến động ở vùng giá cao trong phiên chiều và đóng cửa ở mức 1.59 khi NĐT mở lại vị thế LONG trước diễn biến khởi sắc của chỉ số Dow future. NĐTNN giao dịch cân bằng và thanh khoản thị trường được cải thiện trong phiên hôm nay.

HĐTL VN30F1M & VN30



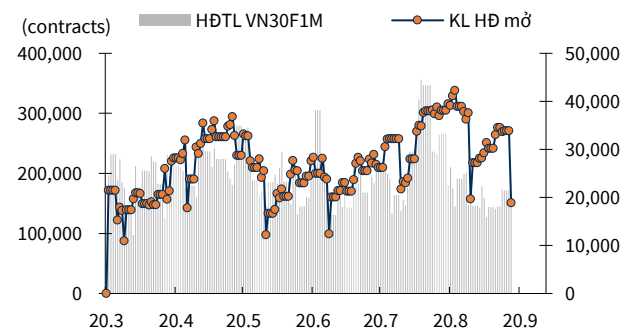
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



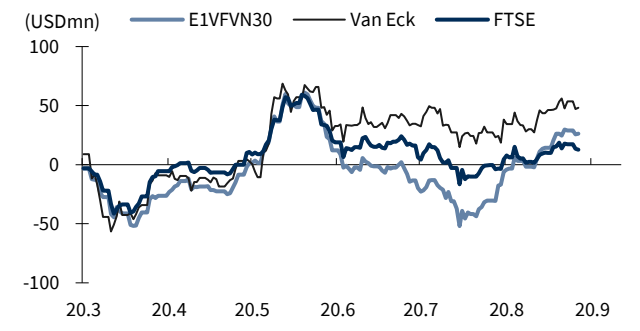
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

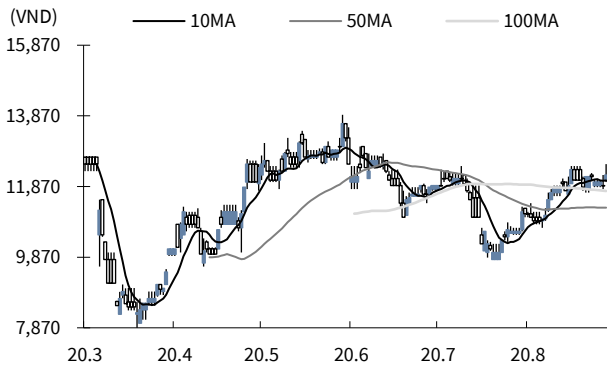
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam (GVR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GVR tăng 2.5% lên 12,200 VND/cp.
- GVR thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền tỷ lệ 6% (1 cổ phiếu được nhận 600 đồng). Với 4 tỷ cổ phiếu đang lưu hành, số tiền chi ra 2,400 tỷ đồng. Ngày đăng ký cuối cùng vào 23/9 và thời gian thanh toán dự kiến 9/10.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

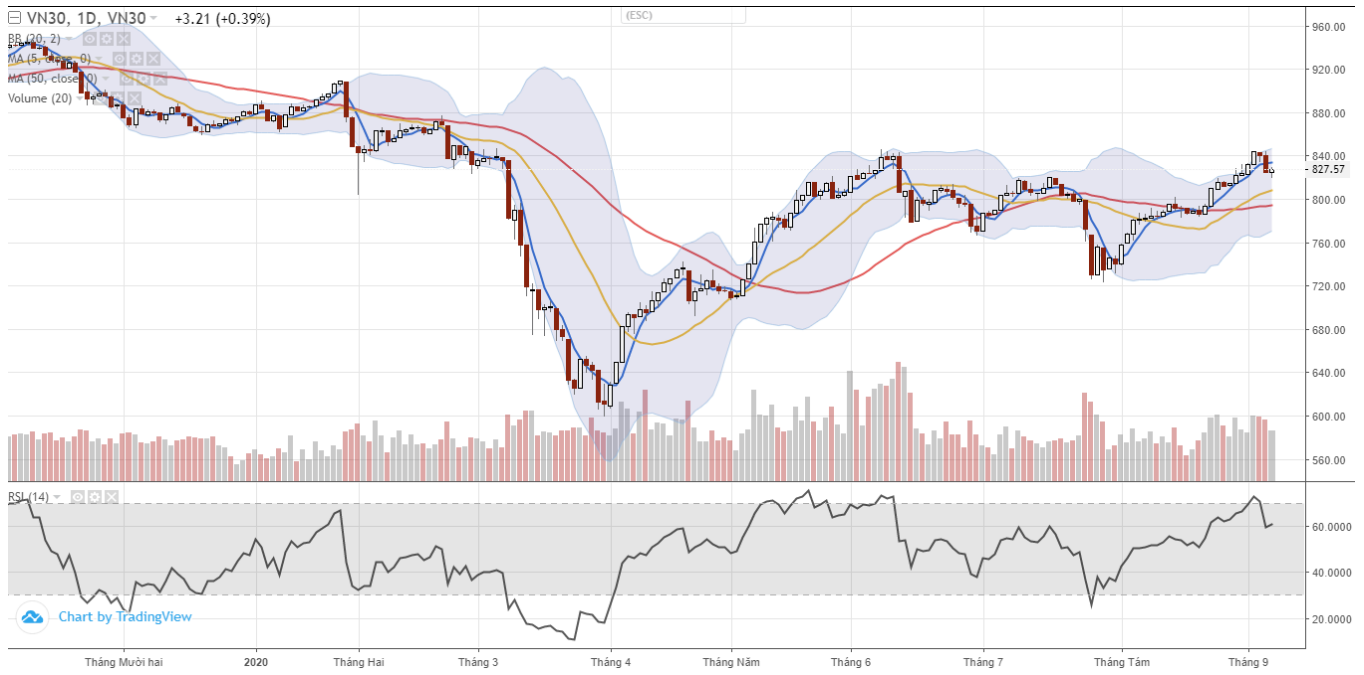
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau phiên giảm sâu, VNIndex phục hồi nhẹ với mẫu nến spinning được hình thành.
- Mặc dù vậy, chúng tôi cho rằng cơ hội hồi phục hiện vẫn khá trung tính khi chỉ số chưa điều chỉnh đủ sâu và về sát vùng hỗ trợ như kỳ vọng.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục chờ nhịp điều chỉnh sâu hơn, chỉ mở một phần vị thế ngắn hạn tại vùng hỗ trợ gần quanh 875.

Chỉ số VN30



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Hợp đồng tương lai - VN30F1M



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VN30 và F1 ghi nhận phiên phục hồi sau nhịp giảm điểm tiêu cực trước đó.
- Mặc dù đã chớm xuống cận trên của vùng hỗ trợ gần 81x và xuất hiện mẫu nến pinbar đảo chiều nhưng chúng tôi cho rằng cơ hội thành công của nhịp hồi phục này chưa thực sự cao và cần được kiểm chứng thêm tại vùng cản gần 831-833.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên mở vị thế SHORT trong phiên nếu thị trường thử thách vùng kháng cự gần hoặc chờ mở vị thế LONG khi chỉ số lùi sâu xuống vùng 81x.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

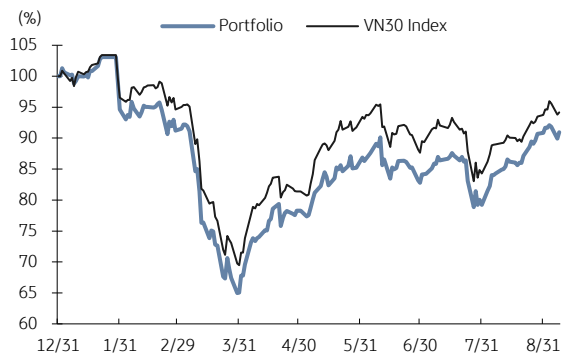
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.39%	1.13%
Tăng lũy kế (YTD)	-5.86%	-9.06%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 08/09/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	93,100	3.1%	-19.7%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	27,500	-0.4%	2.6%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	59,800	1.5%	-22.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	17,800	0.6%	-9.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - MCredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	36,700	0.3%	7.9%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	49,500	2.1%	47.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	25,550	2.2%	4.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	106,800	-0.2%	-17.3%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hưởng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	24,650	0.6%	26.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	13,650	1.5%	-0.4%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PLX	0.2%	15.2%	24.2
VRE	2.2%	30.4%	17.2
SAB	-0.5%	63.2%	8.7
KBC	1.5%	20.6%	6.8
DPM	1.3%	11.2%	6.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VIC	-1.1%	13.8%	-107.6
VNM	-1.4%	58.6%	-76.1
VCB	-1.3%	23.6%	-75.2
VHM	-0.8%	20.5%	-63.7
HPG	0.6%	35.2%	-59.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCS	1.5%	3.0%	5.8
TIG	6.0%	13.9%	2.1
VCG	1.1%	0.3%	0.6
IDV	0.0%	15.1%	0.3
PVB	0.6%	0.1%	0.2

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	0.0%	0.3%	-1.4
DXP	7.0%	36.6%	-1.3
SHS	0.0%	5.9%	-1.2
SLS	0.7%	3.7%	-0.9
PLC	2.4%	1.1%	-0.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.6%	GEX, LGC
Dịch vụ tài chính	2.4%	SSI, HCM
Thực phẩm và đồ uống	0.9%	VNM, SAB
Bất động sản	0.8%	BCM, VRE
Y tế	0.7%	DMC, PME

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-3.1%	GAS, S4A
Truyền thông	-2.7%	YEG, PNC
Bảo hiểm	-2.5%	BVH, BIC
Dầu khí	-1.5%	PLX, PVD
Ngân hàng	-1.0%	CTG, BID

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	14.8%	MWG, DGW
Dầu khí	13.7%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	12.1%	GEX, APH
Hóa chất	10.7%	GVR, DGC
Bảo hiểm	10.3%	BVH, BMI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	0.4%	PNC, YEG
Tài nguyên Cơ bản	2.3%	SHI, VIS
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	3.0%	TTE, GEG
Ô tô và phụ tùng	3.5%	CTF, HAX
Bất động sản	4.3%	VIC, VHM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	90,500	306,110 (13,207)	54,331 (2.3)	22.9	49.4	36.2	21.9	6.6	8.7	3.5	3.2	-1.1	0.6	3.4	-21.3
	VHM	VINHOMES JSC	78,500	258,227 (11,141)	137,707 (5.9)	28.5	9.6	8.4	34.8	38.3	30.6	3.0	2.3	-0.8	0.0	-1.4	-7.4
	VRE	VINCOM RETAIL JS	28,300	64,307 (2,774)	76,557 (3.3)	18.6	25.3	18.7	2.7	9.1	11.7	2.2	2.1	2.2	4.8	7.2	-16.8
	NVL	NO VA LAND INVES	62,700	60,871 (2,626)	89,341 (3.9)	32.6	16.7	17.4	1.8	14.3	11.9	2.4	-	-0.2	-1.7	-2.9	5.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	24,350	13,607 (587)	13,281 (0.6)	5.5	12.6	10.5	14.3	14.2	15.7	1.6	1.5	0.0	0.0	4.1	-5.0
	DXG	DAT XANH GROUP	9,780	5,069 (219)	47,640 (2.1)	13.6	7.2	4.8	-29.0	8.4	14.0	0.6	0.5	0.2	1.0	3.8	-32.6
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	82,500	305,982 (13,201)	96,774 (4.2)	6.4	18.2	15.2	11.8	19.9	19.6	3.1	2.6	-1.3	-0.6	-0.5	-8.5
	BID	BANK FOR INVESTM	40,850	164,299 (7,089)	50,980 (2.2)	12.4	34.9	20.2	-10.3	9.1	12.3	2.2	2.0	0.6	-0.2	7.2	-11.5
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	21,500	75,253 (3,247)	50,546 (2.2)	0.0	7.4	6.3	3.6	15.6	15.5	1.0	0.9	1.4	0.9	12.3	-8.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	25,550	95,133 (4,104)	134,224 (5.8)	0.0	13.8	11.2	18.7	10.2	11.4	1.2	1.1	2.2	-0.6	12.3	22.2
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,900	55,824 (2,409)	94,160 (4.1)	0.0	7.2	6.2	1.6	16.7	16.2	1.1	0.9	1.8	-1.9	7.8	14.5
	MBB	MILITARY COMMERC	17,800	42,923 (1,852)	89,039 (3.8)	0.0	5.9	5.0	8.0	18.0	17.6	0.9	0.8	0.6	-0.8	9.2	-14.4
	HDB	HDBANK	29,400	28,398 (1,225)	30,769 (1.3)	9.2	7.0	6.2	20.1	20.2	20.1	1.2	1.1	0.7	3.7	12.9	6.7
	STB	SACOMBANK	11,250	20,291 (875)	92,250 (4.0)	14.3	12.5	7.9	1.6	6.8	9.0	0.7	0.7	0.4	0.4	7.7	11.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	22,950	18,740 (809)	6,477 (0.3)	0.0	6.5	5.1	26.3	22.5	20.2	1.2	1.0	0.7	2.0	9.8	9.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	17,100	21,023 (907)	4,339 (0.2)	0.1	36.8	35.3	-6.9	3.6	3.6	1.3	1.2	1.2	-0.9	1.2	-3.9
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	49,900	37,042 (1,598)	41,245 (1.8)	20.8	30.3	25.6	2.6	6.3	7.7	1.9	1.8	1.7	0.0	11.1	-27.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	24,600	2,247 (097)	9,261 (0.4)	14.1	-	-	-	8.2	9.1	1.0	0.9	0.4	1.2	13.6	-0.8
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	15,800	9,495 (410)	71,112 (3.1)	51.7	10.9	8.8	-16.8	9.0	10.6	0.9	0.8	2.9	6.0	10.9	1.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,400	4,534 (196)	22,698 (1.0)	71.3	9.8	7.6	-24.9	11.1	13.0	1.0	0.9	3.4	8.7	28.0	-7.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	19,600	5,980 (258)	53,428 (2.3)	50.6	13.4	8.3	-22.5	11.0	17.1	1.4	1.3	2.3	5.7	14.3	-8.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	12,350	2,575 (111)	7,048 (0.3)	13.8	11.1	7.0	-19.1	7.4	11.2	0.8	0.7	1.6	2.5	7.9	-14.2
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	124,200	216,279 (9,331)	166,390 (7.2)	41.5	20.8	19.3	6.6	37.8	38.2	7.2	6.4	-1.4	2.6	7.5	6.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	191,200	122,613 (5,290)	23,881 (1.0)	36.8	30.2	26.1	-1.0	20.9	23.2	6.1	5.4	-0.5	-0.2	3.9	-16.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	54,800	64,373 (2,777)	74,920 (3.2)	10.7	72.6	27.9	-57.2	2.4	6.1	1.5	1.5	0.4	-0.4	1.3	-3.0
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,500	13,857 (598)	19,649 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.8	2.5	3.7	-10.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	106,800	55,946 (2,414)	43,076 (1.9)	12.2	-	16.2	-	8.9	21.4	3.5	3.2	-0.2	3.7	6.5	-26.9
	GMD	GEMADEPT CORP	21,950	6,518 (281)	15,424 (0.7)	0.0	17.0	15.2	-54.7	6.9	7.5	1.1	1.1	0.7	-3.3	8.4	-5.8
	CII	HO CHI MINH CITY	18,000	4,299 (185)	23,960 (1.0)	34.1	12.5	11.3	108.8	7.7	7.9	0.9	0.9	0.3	-2.7	3.7	-20.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	2,190	1,243 (054)	14,367 (0.6)	46.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-1.4	-4.4	-87.3
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	25,900	12,172 (525)	152,717 (6.6)	33.2	31.7	13.6	-20.9	10.5	13.6	-	-	-0.2	16.7	21.6	33.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,100	5,577 (241)	51,971 (2.2)	2.3	9.6	9.6	-37.9	6.7	7.0	0.7	0.6	-1.6	-4.1	-7.0	42.5
	REE	REE	36,700	11,379 (491)	15,394 (0.7)	0.0	7.5	6.6	-9.9	13.4	14.0	1.0	0.9	0.3	-0.5	6.1	1.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	72,000	137,804 (5,945)	48,519 (2.1)	45.7	18.4	14.4	-18.6	15.5	19.2	2.8	2.6	0.0	-2.8	2.6	-23.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (284)	5,254 (0.2)	30.3	9.4	9.3	-2.8	16.8	17.4	1.5	1.5	0.4	0.9	4.6	5.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	23,800	7,631 (329)	4,535 (0.2)	32.8	8.2	8.7	-8.9	15.5	14.5	1.2	1.2	1.3	1.3	2.6	-11.5
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,650	81,672 (3,524)	289,934 (12.5)	13.8	8.7	7.3	3.7	18.1	19.4	1.5	1.3	0.6	0.4	1.9	25.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,250	6,359 (274)	60,410 (2.6)	37.8	10.6	11.2	-0.7	8.8	7.9	0.8	0.8	1.2	-1.5	19.9	25.5
	DCM	PETRO CA MAU FER	9,110	4,823 (208)	18,451 (0.8)	47.2	-	-	-	-	-	-	-	0.1	-1.9	11.2	40.2
	HSG	HOA SEN GROUP	11,650	5,177 (223)	102,035 (4.4)	39.2	6.2	6.3	45.8	14.4	12.5	0.8	0.7	0.9	3.1	4.0	56.6
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,650	2,672 (115)	41,641 (1.8)	97.6	6.0	6.8	45.6	13.3	10.5	0.7	0.6	0.4	0.8	11.0	-0.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	51,200	61,738 (2,664)	71,128 (3.1)	4.8	49.8	18.3	-40.0	5.8	15.1	2.6	2.2	0.2	-2.5	14.8	-8.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	11,000	4,632 (200)	67,373 (2.9)	37.0	43.1	22.1	-15.6	0.9	0.8	0.3	0.3	1.9	-2.2	8.9	-26.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	11,650	3,279 (141)	22,176 (1.0)	27.9	7.7	6.7	-18.0	9.2	9.9	0.6	0.6	2.2	0.4	14.8	-30.7
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,100	42,144 (1,818)	85,538 (3.7)	0.0	11.9	9.3	9.5	26.8	27.4	2.7	2.2	3.1	-0.3	18.4	-18.3
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	59,800	13,462 (581)	39,529 (1.7)	0.0	15.3	12.8	-1.8	21.3	23.2	2.7	2.5	1.5	-0.3	8.3	-30.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	50,100	1,478 (064)	730 (0.0)	69.3	21.1	15.3	-28.1	6.7	8.5	1.3	1.3	0.2	-3.7	5.5	35.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	23,350	1,844 (080)	14,013 (0.6)	13.2	15.6	10.6	-41.1	9.1	12.6	1.3	1.2	1.5	-1.9	8.1	10.9
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	57,500	7,791 (336)	86,549 (3.7)	36.1	7.4	7.1	29.4	36.8	29.8	2.6	2.3	0.9	1.8	8.7	50.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	105,000	13,728 (592)	1,394 (0.1)	45.3	20.6	19.0	8.0	20.3	19.8	3.8	3.6	5.0	-0.5	8.5	14.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	70,000	5,251 (227)	3,784 (0.2)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	1.3	2.3	10.2	28.9
IT	FPT	FPT CORP	49,500	38,803 (1,674)	92,583 (4.0)	0.0	11.4	9.8	18.3	23.9	25.0	2.4	2.1	2.1	0.0	5.1	-2.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Vĩ mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh
anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Vĩ mô – Thái Thị Việt Trinh
trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng
tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu
hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng
tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga
ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công
congtl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền
huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim
harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung
dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh
danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh
vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin
shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.